TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **611**/2025/DS-ST
Ngày: 04/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hoàng Tuấn

2. Ông Nguyễn Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Quang Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Địa chỉ: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa (trước là phường Võ Thị Sáu, Quận 3), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S** ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Minh T,** sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Giấy ủy quyền lại số 1753/2024/UQ-TGĐ ngày 25/3/2024)

2. Bị đơn: Bà **Ngô Trần Bảo T,** sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 5/86H đường Nơ Trang Long, phường Gia Định (trước là Phường 7, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 15/8/2019, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 400, loại thẻ Visa, hạng chuẩn, nguyên đơn cấp cho bị đơn hạn mức sử dụng là 20,000,000 (hai mươi triệu) đồng, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2.6%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 43,446,000 (bốn mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28,212,000 (hai mươi tám triệu hai trăm mười hai nghìn) đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng 64,261,180 (sáu mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm tám mươi) đồng, bao gồm nợ gốc là 22,920,885 (hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng và lãi quá hạn là 41,340,295 (bốn mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi nghìn hai trăm chín mươi lăm) đồng tạm tính đến ngày 18/3/2024, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn có mặt trong lần triệu tập đầu tiên vào ngày 26/02/2025, sau đó vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm. Các tài liệu chứng cứ do nguyên, bị đơn giao nộp và Tòa án thu thập được ghi nhận trong biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/3/2025.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa ghi nhận vấn đề sau đây:

A. Tại bản khai ngày 04/9/2025, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng gốc và lãi là 80,202,575 (tám mươi triệu hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm bảy mươi lăm) đồng, lãi được tính từ ngày chuyển nợ quá hạn 23/7/2020, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng là 57,281,690 (năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu sáu trăm chín mươi) đồng, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

B. Tại bản tự khai ngày 26/02/2025, bị đơn xác nhận có phát sinh một thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, hạn mức 20,000,000 (hai mươi triệu) đồng. Do gặp nhiều khó khăn về tài chính (thất nghiệp và con nằm viện thời gian dài, chi phí cao) nên bị đơn chưa thể thanh toán phần dư nợ cho Ngân hàng. Bị đơn cam kết trả nợ gốc cho ngân hàng là 22,920,885 (hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng và mong muốn Ngân hàng xem xét giảm lãi. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

C. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số 5/86H đường Nơ Trang Long, phường Gia Định (trước là Phường 7, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn ủy quyền hợp lệ cho cá nhân tham gia tố tụng, đúng theo quy định tại Điều 138, 141 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét bị đơn có lời khai thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ gốc theo yêu cầu của nguyên đơn số tiền là 22,920,885 (hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc có căn cứ chấp nhận.

[4] Theo thừa nhận của bị đơn thì do có khó khăn nên bị đơn không trả lãi, đề nghị nguyên đơn giảm lãi tối đa nhưng không ghi rõ mức giảm là bao nhiêu. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu giảm lãi của bị đơn. Theo các Điều 8, 19, 22, 23 của bản Điều khoản và điều kiện (có hiệu lực từ ngày 15/8/2016) đính kèm Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng của chủ thẻ và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo quy định tại các Điều 465, 470 của Bộ luật Dân sự 2015. Ngày 23/7/2020, dư nợ thẻ được chuyển thành nợ quá hạn bao gồm các giao dịch, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức, phí rút tiền, phí thường niên được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên và có căn cứ chấp nhận.

[5] Theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì áp dụng Luật Các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Tại khoản 4 Điều 4 và khoản 2 Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng thì một năm là 365 ngày. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng

3.9%/tháng (150% của lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Sacombank về ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam). Tại Điều 22 của Bản điều kiện và điều khoản không ghi nhận lãi được tính theo ngày, tháng hay năm mà chỉ quy định lãi tính từ ngày ghi nợ hoặc từ giao dịch. Tính từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 1869 ngày, theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng là đúng theo thỏa thuận, tổng số tiền lãi quá hạn là 57,281,690 (năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm chín mươi) đồng. Lãi tiếp tục được tính theo lãi suất trong hợp đồng cho đến ngày bị đơn thanh toán hết nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi với cách tính lãi như trên là đúng, có căn cứ chấp nhận.

[6] Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Viện kiểm sát, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 80,202,575 (tám mươi triệu hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm bảy mươi lăm) đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, 85, 147, 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, 235, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, 116, 117, 118, 119, 134, 138, 141, 280, 357, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu

vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân Khu vực;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 80,202,575 (tám mươi triệu hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm bảy mươi lăm) đồng, bao gồm nợ gốc là 22,920,885 (hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm) đồng, lãi quá hạn là 57,281,690 (năm mươi bảy triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm chín mươi) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 16/8/2019. Việc thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không trả đủ số tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 4,010,129 (bốn triệu không trăm mười nghìn một trăm hai mươi chín) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 1,607,000 (một triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn) đồng theo Biên lai số 0054514 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV5, TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thanh